

**PHỤ LỤC SỐ 6**  
**GIÁ ĐẤT NĂM 2015 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA AN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP**

**BẢNG 1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
<b>1</b>	<b>Khu vực I</b>				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	80	56	32
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	63	44	25
	Đất trồng lúa nương	LUN	44	31	18
<b>2</b>	<b>Khu vực II</b>				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	70	50	28
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55	39	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	39	27	16
<b>3</b>	<b>Khu vực III</b>				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	60	42	24
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	45	32	18
	Đất trồng lúa nương	LUN	32	22	13

**BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
<b>1</b>	<b>Khu vực I</b>				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	57	40	23
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	40	28	16
<b>2</b>	<b>Khu vực II</b>				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	49	34	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	34	24	14
<b>3</b>	<b>Khu vực III</b>				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	42	29	17
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	29	20	12

**BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I	CLN	52	38	27
2	Khu vực II	CLN	44	31	18
3	Khu vực III	CLN	37	26	15

**BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT LÂM NGHIỆP***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I				
	Đất rừng sản xuất	RSX	12.2	8.5	4.9
	Đất rừng phòng hộ	RPH			
	Đất rừng đặc dụng	RDD			
2	Khu vực II				
	Đất rừng sản xuất	RSX	10.4	7.3	4.2
	Đất rừng phòng hộ	RPH			
	Đất rừng đặc dụng	RDD			
3	Khu vực III				
	Đất rừng sản xuất	RSX	8.8	6.2	3.5
	Đất rừng phòng hộ	RPH			
	Đất rừng đặc dụng	RDD			

**BẢNG 5. BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I	NTS	37	26	15
2	Khu vực II	NTS	32	23	13
3	Khu vực III	NTS	27	19	11

## II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

### BẢNG 6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Khu vực I</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Bế Triều</b>				
	Đất mặt tiền theo đường Hồ Chí Minh từ đầu cầu Bản Sậy đến hết địa giới xã Bế Triều (giáp xã Hưng Đạo).	404	283	202	121
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh theo đường nhánh rẽ vào xóm Nà Pia.				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (nhà Ông Bế Nhật Quảng) lên Khau Khá giáp đường vào bãi rác thải.				
	Đoạn từ ngã ba nhà Ông Tô Vũ Trí đi đến đường bãi rác thải (nhà Bà Hà Thị Tuyền).				
	Đoạn đường nhà Ông Dương Đình Thuận đi đến nhà Ông Lương Văn Dâng (xóm Vò Đáo).				
	Đoạn từ Miếu xóm Nà Bura đi đến nhà Ông Nông Văn Hiến xóm Nà Bura.				
	Đoạn đường cầu vượt đi hết xóm Thủy Lợi				
	Đoạn đường nhà Ông Nông Hùng Cường xóm bản Vạn 1 đi đến nhà Ông Bế Nhật Bình (xóm bản Vạn 1).				
	Đoạn đường nhà Ông Bế Hùng Cường (xóm bản Vạn 1) đi đến đường Vành đai thị trấn Nước Hai	343	240	172	103
	Đoạn đường (Đại Tiến - Nước Hai) từ nhà Ông Hoàng Văn Công (xóm Bản Vạn 2) đến hết làng Khau Hoa.				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào Nhà bia tưởng niệm xã Bế Triều đến bãi chôn lấp rác thải.				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào xóm Nà Bura.				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ Lò Bát Cầu Khanh đến Nà Sa.				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào Nghĩa trang liệt sỹ huyện.				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào xóm An Phú.				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào xóm Nà Vài.				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào xóm Bán Vạn đến xóm Khau Hoa.				
	Đoạn đường liên xã Nước Hai – Đại Tiến có nhánh rẽ vào xóm Đông Viảo hết đường ô tô đi lại được.				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh có nhánh rẽ vào xóm Nà Vầu đến hết nhà Văn hóa xóm Nà Vầu.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	292	204	146	88
<b>2</b>	<b>Xã Đức Long</b>				
	Đoạn đường theo đường Hồ Chí Minh từ đầu cầu Nà Coóc đến cổng Trường Trung học Cơ sở Đức Long.				
	Đoạn đường theo đường Hồ Chí Minh từ đường rẽ vào xóm Nà Hăng đến ngã ba Thông Nông- Hà Quảng.	404	283	202	121
	Các vị trí đất mặt tiền của đoạn đường từ cổng Trường Trung học Cơ sở Đức Long theo đường Hồ Chí Minh đến đường rẽ vào xóm Nà Hăng.	343	240	172	103
	Đoạn đường từ ngã ba Thông Nông- Hà Quảng theo đường 204 đến hết địa giới xã Đức Long (giáp xã Dân Chủ).	292	204	146	88
	Đoạn đường từ ngã ba Thông Nông- Hà Quảng theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới xã Đức Long (giáp xã Nam Tuấn).				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	248	174	124	74
<b>3</b>	<b>Xã Bình Long</b>				
	Các vị trí đất mặt tiền theo đường Bình Long- Lương Can (Thông Nông) từ cầu ngầm Bình Long đến Trạm bơm Pác Gậy.	210	147	105	63
	Đoạn đường từ Trạm bơm Pác Gậy theo đường Bình Long- Lương Can đến hết địa giới xã Bình Long (giáp xã Trương Lương).				
	Đoạn đường (mà ô tô đi lại được) rẽ từ Nà Bát đi Lũng Chung, đường rẽ vào xóm Cốc Lại, đường rẽ vào xóm Thang Lầy, Pác Cam, đường rẽ xuống làng Cốc Mìn.	179	125	89	54
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	152	106	76	46
<b>4</b>	<b>Xã Bạch Đằng</b>				
	Đoạn đường từ xóm Nà Roác (giáp xã Hưng Đạo- thành phố Cao Bằng) theo Quốc lộ 3 đến đường rẽ vào Bản Săng.	210	147	105	63

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường (khu vực xung quanh chợ, Trạm xá, trụ sở Ủy ban nhân dân xã) theo Quốc lộ 3 từ đầu cầu Tài Hồ Sin + 200m về thành phố Cao Bằng; từ đầu cầu Tài Hồ Sin + 200m về phía đi Bắc Kạn.				
	Đoạn đường từ đầu cầu Tài Hồ Sin + 200m theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Bạch Đằng (giáp huyện Nguyên Bình).	179	125	89	54
	Đoạn đường từ đầu cầu Tài Hồ Sin + 200m theo Quốc lộ 3 về thành phố đến đường rẽ vào Bản Sắng.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ đi Bản Sắng, Phiêng Lừa, Nà Tú đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bạch Đằng.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ theo đường vào hồ Khuổi Lái (đường dưới và đường trên).				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	152	106	76	46
<b>5</b>	<b>Xã Hoàng Tung</b>				
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn theo đường đi Nguyên Bình tính cách cầu 200m; theo đường về thành phố tính cách cầu 200m.	210	147	105	63
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào xã Bình Dương 100m.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào xã Hoàng Tung 100m.				
	Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến cổng Trường Trung học Cơ sở xã Hoàng Tung.				
	Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến đường rẽ vào xóm Bản Chạp.				
	Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến cầu làng Bến Đò.				
	Đoạn đường Trường phổ thông trung học Hoàng Tung đến xóm Hào Lịch.	179	125	89	54
	Đoạn đường rẽ xóm Bản Chạp đến ngã ba đường rẽ xóm Bó Lếch và xóm Bản Tấn				
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn + 200 m theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Hoàng Tung (giáp xã Hưng Đạo).				
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn + 200 m theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Hoàng Tung (giáp xã Lăng Môn- Nguyên Bình).				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ xóm Bản Tấn qua Hào Lịch đến khu di tích Nậm Lìn (giáp xã Hồng Việt).				
	Đoạn đường từ cầu đầu làng Bến Đò đến làng Đền chùa Vua Lê.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	152	106	76	46
<b>6</b>	<b>Xã Hồng Nam</b>				
	Đoạn đường từ địa phận giáp xã Chu Trinh qua UBND xã Hồng Nam đến hết địa phận xã Hồng Nam giáp xã Thụy Ngân của huyện Thạch An.	152	106	76	46
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
<b>7</b>	<b>Xã Hồng Việt</b>				
	Các vị trí đất mặt tiền từ cầu cứng đến nhà ông Bế Mã Hồng xóm Dẻ Đoóng xã Hồng Việt.	210	147	105	63
	Các vị trí đất mặt tiền từ nhà ông Bế Mã Hồng xóm Dẻ Đoóng đến Phia Đeng đường rẽ xóm Nà Vàn, xã Hồng Việt.	179	125	89	54
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	152	106	76	46
<b>II</b>	<b>Khu vực II</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Đại Tiến</b>				
	Đất mặt tiền theo trục đường từ giáp địa giới xã Bế Triều đến chân đèo đường rẽ lên xã Đức Xuân	179	125	89	54
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	152	106	76	46
<b>2</b>	<b>Xã Dân Chủ</b>				
	Đoạn từ cổng Công ty gang thép Thái Nguyên mỏ sắt Ngườm Cháng theo đường 204 qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã (cũ) đến đầu cầu Mỏ Sắt.	210	147	105	63
	Đất có mặt tiền xung quanh chợ Mỏ Sắt, đất xung quanh Trạm Y tế xã (khoảng cách 25 mét).				
	Các vị trí đất mặt tiền theo đường 204 từ tiếp giáp địa phận xã Đức Long đến cổng Công ty gang thép Thái Nguyên (Mỏ Sắt Ngườm Tráng); từ cầu Mỏ Sắt đến chân dốc Khau Công.	179	125	89	54
	Các vị trí đất mặt tiền theo đường 204 từ chân dốc Khau Công đến hết địa giới xã Dân Chủ (giáp huyện Thông Nông).	152	106	76	46
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>3</b>	<b>Xã Lê Chung</b>				
	Đất mặt tiền đoạn từ Roỏng Đắm tiếp giáp địa giới phường Hòa Chung dọc theo tỉnh lộ 209 qua xóm Pác Khuổi đến nhà ông Hoàng Văn Nhật.	210	147	105	63
	Các vị trí đất mặt tiền từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường 209 đến hết địa giới xã Lê Chung (giáp xã Canh Tân- huyện Thạch An).	179	125	89	54
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	152	106	76	46
<b>4</b>	<b>Xã Nam Tuấn</b>				
	Đoạn đường tiếp giáp nhà ông Nguyễn Hữu Gióng đến chân dốc Kéo Rán xóm Nà Khá.				
	Đoạn từ chợ kéo Roọc đến nhà ông Nguyễn Hữu Hùng xóm Nà Khá.				
	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Hữu Sáng xóm Nà Khá đi vào đường UBND xã đi thông qua đường cái vào Gia Tự.				
	Đoạn đường liên huyện từ xã Phù Ngọc – Hà Quảng đi qua địa phận xã Nam Tuấn – Đại Tiến đến hết địa phận xã Nam Tuấn.	210	147	105	63
	Đoạn từ chân dốc Kéo Rán đến nhà ông Lê Phan Tuệ xóm Nà Điều.				
	Các vị trí đất mặt tiền từ cầu Háng Hóa theo đường Hồ Chí Minh đến nhà ông Lục Văn Chung, đất xung quanh chợ Háng Hóa, Kéo Roọc, xã Nam Tuấn.				
	Đoạn đường theo đường Hồ Chí Minh từ nhà ông Lục Văn Chung đến hết địa giới xã Nam Tuấn (giáp huyện Hà Quảng).				
	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hữu Nhiên xóm Nà Khá đến hết nhà ông Lã Văn Thìn xóm Nà Thang.				
	Đoạn đường theo đường Hồ Chí Minh từ đầu cầu Háng Hoá hết địa giới xã Nam Tuấn (giáp xã Đức Long).	179	125	89	54
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	152	106	76	46
<b>5</b>	<b>Xã Nguyễn Huệ</b>				
	Đất xung quanh chợ Án Lại; đất mặt tiền từ nhà bà Trương Thị Lồ đến nhà ông Long Văn Giáp.	210	147	105	63
	Đoạn đường tránh thị tứ Án Lại (từ nhà ông Lương Văn Trung đến hết đất nhà ông Lô Quang Thành).				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Km7 (Bản Gùn) đến nhà bà Trương Thị Lò.				
	Đoạn đường từ đất nhà ông Triệu Văn Hưng đến hết đất nhà ông Nông Hồng Quân xóm Nà Danh.				
	Đoạn từ nhà ông Long Văn Giáp theo Quốc lộ 3 đến chân đèo Mã Phục.	179	125	89	54
	Đoạn từ cuối chợ An Lại hết đường bê tông đến địa phận xóm Nà Danh hết đất nhà ông Nông Văn Quân.				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Quân dọc theo đường đến xóm Canh Biện hết địa phận xã Nguyễn Huệ, giáp xã Ngũ Lão.	152	106	76	46
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
<b>III</b>	<b>Khu vực III</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Bình Dương</b>				
	Các vị trí đất mặt tiền từ Quốc lộ 34 rẽ cách cầu Bản Tán 100m đến Trường Trung học Cơ sở xã Bình Dương.	179	125	89	54
	Đoạn đường từ xóm Nà Phụng đi đến hết xóm Khuổi Hồng giáp xã Bạch Đằng				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	152	106	76	46
<b>2</b>	<b>Xã Công Trùng</b>				
	Các vị trí đất mặt tiền của đoạn đường từ cầu Giản Đầy (giáp địa giới xã Trương Lương) đến xóm Lũng Mải.	98	68	49	29
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	83	58	41	25
<b>3</b>	<b>Xã Đức Xuân</b>				
	Các vị trí đất mặt tiền của đoạn đường từ giáp địa giới xã Đại Tiến đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đức Xuân.	98	68	49	29
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	83	58	41	25
<b>4</b>	<b>Xã Hà Trì</b>				
	Các vị trí đất mặt tiền theo đường Quang Trung - Hà Trì đoạn từ địa phận xã Quang Trung đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã, đất mặt tiền từ đầu cầu treo Nà Mùi đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	152	106	76	46
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39



Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>5</b>	<b>Xã Ngũ Lão</b>				
	Đoạn từ giáp địa giới thành phố theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Ngũ Lão (giáp xã Nguyễn Huệ).	210	147	105	63
	Đoạn từ giáp địa giới thành phố theo đường tránh Quốc lộ 3 đến hết đường tránh (ngã ba Bản Gùn).				
	Đoạn đường từ đường tránh Quốc lộ 3 theo đường vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão đến trụ sở.	179	125	89	54
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão theo đường liên xã đến hết địa giới xã Ngũ Lão (giáp xã Vĩnh Quang - thành phố Cao Bằng).				
	Từ nhà ông Hoàng Văn Tuấn xóm Nà Tú theo đường Nà Tú - Phiáy đến hết đất ông Mã Văn Boồng xóm Nà Tú.	152	106	76	46
	Từ Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão đến cầu treo xóm Khuổi Quân.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
<b>6</b>	<b>Xã Quang Trung</b>				
	Đoạn đường từ giáp địa giới thành phố theo đường Quang Trung- Hà Trì đến hết địa giới xã Quang Trung (giáp xã Hà Trì).	115	80	57	34
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Phan Thanh đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quang Trung.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	98	68	49	29
<b>7</b>	<b>Xã Trung Vương</b>				
	Các vị trí đất mặt tiền từ Quốc lộ 3 rẽ Khau Chang vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến địa phận xóm Vân Mỏ.	152	106	76	46
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
<b>8</b>	<b>Xã Trương Lương</b>				
	Đoạn đường từ giáp địa giới xã Bình Long theo đường Bình Long- Thông Nông đến hết địa giới xã Trương Lương (giáp xã Lương Can- Thông Nông).	115	80	57	34
	Đoạn đường từ giáp địa phận xã Bình Long đi qua đầu cầu Sam Luông đến hết địa phận xã Trương Lương giáp huyện Thông Nông				
	Đoạn từ cầu Sam Luông đến Giản Đầy (giáp địa giới xã Công Trùng).				
	Đoạn từ UBND xã (đường liên xóm) đi đến đầu xóm Viêng				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ ngã ba xóm Tổng Hoáng (đường liên xóm) đi đến hết xóm Gù đoạn ô tô đi lại được.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	98	68	49	29

### BẢNG 7. BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Giá đất thương mại dịch vụ tại nông thôn được tính bằng 80% so với đất ở tại nông thôn cùng vị trí.

### BẢNG 8. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại nông thôn được tính bằng 60% so với đất ở tại nông thôn cùng vị trí.

### BẢNG 9. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Thị trấn Nước Hai</b>				
<b>1</b>	<b>Đường phố loại I</b>				
	Đoạn từ đội Quản lý thị trường số 2 theo đường Hồ Chí Minh đến đầu cầu Bình Long.				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ theo đường vào đến Trạm cấp nước.				
	Đoạn đường xung quanh chợ Nước Hai	1.980	1.386	990	594
	Đoạn đường theo đường Hồ Chí Minh từ nhà đội Quản lý thị trường số 2 đến hết địa giới thị trấn (giáp xã Bể Triều).				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ theo đường vào nhà Ban quản lý chợ.				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên.	1.683	1.178	842	505

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>2</b>	<b>Đường phố loại II</b>				
	Đoạn đường từ nhà ông Đặng Văn Ngọc (tổ 2 khu phố A) đến hết nhà bà Lê Thị Toan (tổ 2 khu phố A) và các đoạn đường nhánh: + Từ nhà bà Trần Thị Biên tổ 1 phố A đến nhà bà Hứa Thị Mới tổ 2 phố A; + Từ nhà bà Vũ Thị Quyết tổ 1 phố A đến nhà bà Vương Thị Nụ tổ 2 phố A; + Từ nhà bà Lê Thị Hoa đến nhà bà Lê Thị Lâm tổ 1 phố A; + Từ nhà bà Lê Thị Toan tổ 2 phố A đến nhà ông Hoàng Lương Cam tổ 2 phố A.				
	Đoạn từ Trạm cấp nước theo đường vào Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến nhà ông Phan Du.				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (nhà ông Lê Xuân Diệu) theo đường đi Trạm thuốc lá đến Trạm thuốc lá.	1.431	1.001	715	429
	Đoạn đường (nhánh 3) từ gần công Công an huyện đến trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch.				
	Đoạn từ Trạm cấp nước đến ngã tư Huyện đội.				
	Đoạn đường từ ngã tư Huyện đội theo đường nhựa đến trường Trung học Cơ sở Nước Hai (đến hết đường nhựa).				
	Đoạn đường nối từ đường Hồ Chí Minh (Công an huyện) đến ngã tư huyện đội.				
	Đoạn đường từ đầu cầu Bình Long theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn ( Giáp xã Đức Long).				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên.	1.216	851	608	365
<b>3</b>	<b>Đường phố loại III</b>				
	Đoạn từ nhà ông Vi Văn Chùm đến ngã tư trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật.	1.034	724	517	310
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên.	879	615	439	264
<b>4</b>	<b>Đường phố loại IV</b>				
	Đoạn từ ngã tư trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến hết nhà ông La Khánh Bạch.	747	523	373	224
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên.	635	444	317	190

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>5</b>	<b>Đường phố loại V</b>	540	378	270	162
<b>II</b>	<b>Xã Bế Triều</b>				
<b>1</b>	<b>Đường phố loại III</b>				
	Đoạn từ cầu Bản Sậy theo đường Hồ Chí Minh đến ranh giới Thị trấn.	1.034	724	517	310
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên.	879	615	439	264
<b>2</b>	<b>Đường phố loại IV</b>				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ đi xã Hồng Việt đến đầu cầu Hồng Việt	747	523	373	224
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên.	635	444	317	190
<b>III</b>	<b>Xã Đức Long</b>				
<b>1</b>	<b>Đường phố loại III</b>				
	Đoạn từ cầu Roông Ổ (giáp ranh địa giới Thị trấn) theo đường 203 đến đầu cầu Nà Coóc.				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ lên trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến hết nhà bà Nguyễn Thị Thúy xóm Bằng Hà 1 (đoạn giáp ranh với thị trấn Nước Hai).	1.034	724	517	310
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên	879	615	439	264

### **BẢNG 10: BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ**

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là đất thương mại dịch vụ được tính bằng 80% giá đất ở tại vị trí đó.

### **BẢNG 11: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ**

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.